TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **71**/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 34/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa:

*Nguyên đơn***:** Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1987; trú tại: 32 Cao Sơn 6, phường Hòa Hải, quận N, thành phố Đ;

Bị đơn: Ông **Phạm Ngọc B**, sinh năm 1988; trú tại: 32 Cao Sơn 6, phường Hòa Hải, quận N, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị H, sinh năm 1987 và ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1988.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Phạm Ngọc B thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con Phạm Lê H, sinh ngày 29/5/2014 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung con mỗi tháng 3.000.000đ; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ bà H tự nguyện chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 150.000đ bà H tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009516 ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố Đ. (Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con chung).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Q.N;
- UBND xã D,
huyện D, tỉnh Q.
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2013,
quyển sổ số 01/2013, đăng ký ngày 02/8/2013).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan